|  |
| --- |
| **TRƯỜNG ĐH BÁCH KHOA (ĐH QUỐC GIA TP.HCM**) - **MÃ TRƯỜNG: QSB** |
| **MÃ****NGÀNH** | **NHÓM NGÀNH/ NGÀNH** | **TỔ HỢP MÔN****XÉT TUYỂN** | **CHỈ****TIÊU** |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ (GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG VIỆT) | 3.735 sinh viên** |
| **106** | **Khoa học Máy tính** | A00, A01 | **240** |
| **107** | **Kỹ thuật Máy tính** | A00, A01 | **100** |
| **108** | **Kỹ thuật Điện**; **Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông**; **Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa** *(Nhóm ngành)* | A00, A01 | **670** |
| **109** | **Kỹ thuật Cơ khí** | A00, A01 | **300** |
| **110** | **Kỹ thuật Cơ Điện tử** | A00, A01 | **105** |
| **112** | **Kỹ thuật Dệt**; **Công nghệ Dệt may** *(Nhóm ngành)* | A00, A01 | **90** |
| **114** | **Kỹ thuật Hóa học**; **Công nghệ Thực phẩm**; **Công nghệ Sinh học** *(Nhóm ngành)* | A00, B00, D07 | **370** |
| **115** | **Kỹ thuật Xây dựng**; **Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông**; **Kỹ thuật Xây dựng Công trình Thủy**; **Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển**; **Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng** |  *(Nhóm ngành)* | A00, A01 | **690** |
| **Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng** | A00, A01 |
| **Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ** | A00, A01 |
| **117** | **Kiến trúc** *(Từ 2020 không còn thi môn Năng khiếu)* | A01, C01 | **75** |
| **120** | **Kỹ thuật Địa chất**; **Kỹ thuật Dầu khí** *(Nhóm ngành)* | A00, A01 | **130** |
| **123** | **Quản lý Công nghiệp** | A00, A01, D01, D07 | **120** |
| **125** | **Quản lý Tài nguyên & Môi trường**; **Kỹ thuật Môi trường** *(Nhóm ngành)* | A00, A01, B00, D07 | **120** |
| **128** | **Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp**; **Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng** *(Nhóm ngành)* | A00, A01 | **90** |
| **129** | **Kỹ thuật Vật liệu** | A00, A01, D07 | **220** |
| **137** | **Vật lý Kỹ thuật** | A00, A01 | **70** |
| **138** | **Cơ Kỹ thuậ**t | A00, A01 | **70** |
| **140** | **Kỹ thuật Nhiệt (Nhiệt lạnh)** | A00, A01 | **80** |
| **141** | **Bảo dưỡng Công nghiệp** | A00, A01 | **165** |
| **142** | **Kỹ thuật Ô tô** | A00, A01 | **90** |
| **144** | **Kỹ thuật Hàng không; Kỹ thuật Tàu thủy** *(Đào tạo song ngành từ 2020)* | A00, A01 | **60** |
| **CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, TIÊN TIẾN (GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH) | 1.105 sinh viên** |
| **206** | **Khoa học Máy tính** | A00, A01 | **100** |
| **207** | **Kỹ thuật Máy tính** | A00, A01 | **55** |
| **208** | **Kỹ thuật Điện - Điện tử** | A00, A01 | **150** |
| **209** | **Kỹ thuật Cơ khí** | A00, A01 | **50** |
| **210** | **Kỹ thuật Cơ Điện tử** | A00, A01 | **50** |
| **242** | **Kỹ thuật Ô tô** | A00, A01 | **50** |
| **215** | **Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông** | A00, A01 | **80** |
| **220** | **Kỹ thuật Dầu khí** | A00, A01 | **50** |
| **214** | **Kỹ thuật Hóa học**  | A00, B00, D07 | **150** |
| **219** | **Công nghệ Thực phẩm** | A00, B00, D07 | **40** |
| **225** | **Quản lý Tài nguyên & Môi trường; Kỹ thuật Môi trường** | A00, A01, B00, D07 | **60** |
| **223** | **Quản lý Công nghiệp** | A00, A01, D01, D07 | **90** |
| **237** | **Vật lý Kỹ thuật - chuyên ngành Kỹ thuật Y sinh**  | A00, A01 | **50** |
| **211** | **Kỹ thuật Cơ Điện tử - chuyên ngành Kỹ thuật Robot**  | A00, A01 | **50** |
| **245** | **Kỹ thuật Hàng không**  | A00, A01 | **40** |
| **228** | **Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng**  | A00, A01 | **40** |
| **CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO TIẾNG NHẬT | 40 sinh viên** |
| **266** | **Khoa học Máy tính**  | A00, A01 | **40** |
| **PHÂN HIỆU ĐH QUỐC GIA TP.HCM TẠI TỈNH BẾN TRE | 50 sinh viên** |
| **441** | **Bảo dưỡng Công nghiệp** | A00, A01 | **50** |

**Tổ hợp môn thi:** A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; B00: Toán, Hóa, Sinh; C01: Toán, Lý, Văn; D01: Toán, Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh.

* Chương trình tài năng gồm các ngành: Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Máy tính; Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông, Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa; Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ Điện tử; Kỹ thuật Hóa học, Công nghệ Thực phẩm; Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông; Quản lý Công nghiệp, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp, Cơ Kỹ thuật.
* Chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt – Pháp (PFIEV), gồm các ngành: Viễn thông, Hệ thống Năng lượng Điện, Cơ Điện tử, Hàng không, Vật liệu & Năng lượng, Vật liệu Polymer & Composite, Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp & Hiệu quả Năng lượng, Kỹ thuật & Quản lý Nước Đô thị *(Ngành mới 2020).*
* Chương trình liên kết quốc tế, gồm các ngành: Công nghệ Thông tin, Kỹ thuật Điện - Điện tử, Kỹ thuật Cơ Điện tử, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Hóa Dược, Kỹ thuật Hóa học, Kỹ thuật Môi trường, Quản trị Kinh doanh.
* Chương trình tăng cường tiếng Nhật, gồm các ngành: Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Máy tính, Kỹ thuật Điện - Điện tử.
* Chương trình kỹ sư Việt – Nhật, gồm các ngành: Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Máy tính, Kỹ thuật Điện - Điện tử*,* Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ Điện tử, Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp, Kỹ thuật Ô tô, Kỹ thuật Xây dựng.

**CÁC LOẠI CHƯƠNG TRÌNH ĐH CHÍNH QUY**

**ĐẠI TRÀ:** 35 nhóm ngành/ ngành, dạy bằng tiếng Việt, các ngành tuyển sinh theo nhóm ngành sẽ phân ngành từ năm thứ 2 theo kết quả học tập, kế hoạch đào tạo 4 năm, địa điểm học tại Cơ sở Dĩ An và Q.10, chuẩn tiếng Anh đầu ra **TOEIC ≥ 600**, bằng tốt nghiệp do Trường ĐH Bách khoa cấp.

**TÀI NĂNG:** 15 nhóm ngành/ ngành, dạy bằng tiếng Việt (dựa trên chương trình đại trà với các môn cốt lõi dành cho chương trình tài năng), xét tuyển sinh viên giỏi từ năm thứ 2, kế hoạch đào tạo 4 năm, địa điểm học tại Cơ sở Q.10, chuẩn tiếng Anh đầu ra **TOEIC ≥ 700**, bằng tốt nghiệp do Trường ĐH Bách khoa cấp.

**PFIEV:** 8 ngành, dạy bằng tiếng Việt, học phí khoảng **6 triệu đồng/học kỳ**, xét tuyển tân sinh viên có điểm trúng tuyển cao, kế hoạch đào tạo 5 năm, địa điểm học tại Cơ sở Q.10, chuẩn ngoại ngữ đầu ra **DELF ≥ B1** và **TOEIC ≥ 700**, bằng tốt nghiệp do Trường ĐH Bách khoa cấp.

**CHẤT LƯỢNG CAO**, **TIÊN TIẾN:** 18 ngành, dạy bằng tiếng Anh, kế hoạch đào tạo 4 năm (chưa kể học kỳ Pre-University), địa điểm học tại Cơ sở Q.10, chuẩn tiếng Anh đầu vào **IELTS ≥ 6.0**/ **TOEFL iBT ≥ 79** (nếu chưa có, tân sinh viên sẽ được kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào và xếp lớp học tiếng Anh trong học kỳ Pre-University để đạt chuẩn), học bổng khuyến khích học tập mỗi học kỳ 15,4 triệu đồng/suất và nhiều học bổng khác dành riêng cho sinh viên chương trình đào tạo quốc tế, bằng tốt nghiệp do Trường ĐH Bách khoa cấp, có thể chuyển tiếp du học 2 năm cuối sang ĐH đối tác Úc/ Mỹ/ New Zealand.

**LIÊN KẾT QUỐC TẾ:** 9 ngành, dạy bằng tiếng Anh; 2 năm đầu - địa điểm học tại Cơ sở Q.10, học phí trung bình **30 triệu đồng**/**học kỳ** (chưa kể học kỳ Pre-University), 2 năm cuối - chuyển tiếp sang ĐH đối tác Úc/ Mỹ, học phí khoảng **560-875 triệu đồng/năm**; xét tuyển riêng bằng học bạ THPT, kế hoạch đào tạo 4 năm (chưa kể học kỳ Pre-University), chuẩn tiếng Anh đầu vào **IELTS ≥ 6.0**/ **TOEFL iBT ≥ 79** (nếu chưa có, tân sinh viên sẽ được kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào và xếp lớp học tiếng Anh trong học kỳ Pre-University để đạt chuẩn), chuẩn tiếng Anh chuyển tiếp **IELTS ≥ 6.5-7.0**/ **TOEFL iBT ≥ 80-93**, học bổng khuyến khích học tập mỗi học kỳ 15,4 triệu đồng/suất và nhiều học bổng khác dành riêng cho sinh viên chương trình đào tạo quốc tế, bằng tốt nghiệp do ĐH đối tác Úc/ Mỹ cấp.

**TĂNG CƯỜNG TIẾNG NHẬT:** 3 ngành; 2,5 năm đầu - địa điểm học tại Cơ sở Q.10, dạy chuyên môn theo chương trình đại trà kết hợp đào tạo tiếng Nhật, 2 năm cuối chuyển tiếp sang ĐH đối tác Nhật, dạy bằng tiếng Nhật; xét tuyển tân SV chương trình đại trà 3 ngành tương ứng, kế hoạch đào tạo 4,5 năm, chuẩn tiếng Nhật chuyển tiếp **JLPT ≥ N2**, bằng tốt nghiệp do ĐH đối tác Nhật cấp.

**VJEP:** 8 ngành, dạy chuyên môn theo chương trình đại trà kết hợp đào tạo tiếng Nhật (1.500 giờ), văn hóa Nhật, tư duy quản trị, kỹ năng làm việc trong doanh nghiệp Nhật, xét tuyển tân sinh viên chương trình đại trà 8 ngành tương ứng, kế hoạch đào tạo 4 năm, địa điểm học tại Cơ sở Dĩ An và Q.10, chuẩn tiếng Nhật đầu ra **JLPT ≥ N2**, học bổng dành riêng cho sinh viên chương trình, thực tập tại các doanh nghiệp Nhật, bằng tốt nghiệp do Trường ĐH Bách khoa cấp, giới thiệu sang Nhật làm việc.

**CHẤT LƯỢNG CAO TĂNG CƯỜNG TIẾNG NHẬT:** 1 ngành, nội dung chuyên môn dựa trên chương trình đại trà và chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin của Nhật, kết hợp đào tạo tiếng Nhật giao tiếp và chuyên ngành (1.200 giờ), văn hóa Nhật, tư duy quản trị, kỹ năng làm việc trong doanh nghiệp Nhật, một số môn chuyên ngành ở năm thứ 3 và 4 do các giáo sư Nhật dạy bằng tiếng Nhật, kế hoạch đào tạo 4 năm, địa điểm học tại Cơ sở Q.10, chuẩn tiếng Nhật đầu ra **JLPT ≥ N3**, có ít nhất 1 chuyến sang Nhật thực tập ngắn hạn, có thể chuyển tiếp du học 2 năm cuối sang ĐH đối tác Nhật, bằng tốt nghiệp do Trường ĐH Bách khoa cấp, có triển vọng làm việc lâu dài tại các tập đoàn Nhật với chế độ đãi ngộ như kỹ sư Nhật.